

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc Tuấn

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hồng Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 196/2024/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1987; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Khu 1, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang sống và làm việc tại: Y, Đ, Đ, Đài Loan.

2. Chị Trần Thị Bích P, sinh năm 1991; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Khu 1, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang sống và làm việc tại: V, Đ, Đài Loan.

Người được anh P và chị P ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Trần Thị T, sinh năm 1961; đều có địa chỉ: Khu 1, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh chị đăng ký kết hôn ngày 02/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu 1, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Kể từ khi kết hôn cho đến năm 2019, anh chị chung sống hòa thuận.

Ngày 10/10/2019 và ngày 27/10/2020, anh P và chị P lần lượt sang lao động tại Đài Loan; tuy nhiên, vì nơi làm việc của cả hai cách xa nhau nên anh chị không sống chung. Cũng từ năm 2020, anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sự khác biệt về quan điểm sống, lối sống dẫn tới không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, trong khi đó, khoảng cách địa lý và yêu cầu công việc dẫn tới anh chị không có thời gian quan tâm, chia sẻ, thiếu sự thấu hiểu và đồng cảm lẫn nhau. Dù đã được hai bên gia đình và bạn bè hết sức khuyên can, hòa giải, dù sau những lần mâu thuẫn, anh chị đều tổ chức họp gia đình để giải quyết mâu thuẫn nhưng không những không thống nhất được quan điểm mà mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Sau những lần như vậy tình cảm vợ chồng anh chị ngày càng xa cách, mâu thuẫn giữa anh chị đã kéo dài nhiều năm mà không thể giải quyết, thậm chí anh chị không còn ăn cơm chung và cũng không có đời sống chung trong một mái nhà mà sống ly thân. Hiện nay, nhận thấy hôn nhân của mình đã rơi vào bế tắc, mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa, nín kéo cũng chỉ đem lại đau khổ và tổn thương cho hai bên. Vì vậy, anh chị thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Yên N, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/02/2016. Hiện các cháu N, A đang sống cùng với ông bà nội là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T. Anh chị thống nhất đề nghị Tòa án tuyên giao cháu Nguyễn Yên N cho chị Trần Thị Bích P trực tiếp nuôi sau khi ly hôn cho đến khi cháu N thành niên, lao động tự túc được và giao cháu Nguyễn Hà A cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi sau khi ly hôn cho đến khi cháu A thành niên, lao động tự túc được. Trong thời gian anh chị ở nước ngoài, anh chị thống nhất đề nghị Tòa án tạm giao các cháu N, A cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T nuôi cho đến khi anh chị về nước đón các cháu.

- Về cấp dưỡng: Anh chị thống nhất thỏa thuận anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung và các nghĩa vụ khác: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí, chi phí tố tụng tại Tòa án: Anh chị thống nhất thỏa thuận chị Trần Thị Bích P chịu toàn bộ lệ phí, chi phí tố tụng tại Tòa án thay cho cả phần nghĩa vụ của anh Nguyễn Văn P.

Anh P và chị P đều có đơn đề nghị không hòa giải và giải quyết vắng mặt anh chị tại Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn P có quan điểm: Ông bà đều đồng ý đồng ý nhận nuôi dưỡng các cháu N, A thay cho anh P, chị P trong thời gian anh chị ở nước ngoài như anh P, chị P đã thống nhất thỏa thuận mà không yêu cầu bất kỳ ai phải trả thù lao hay cấp dưỡng gì.

Cháu Nguyễn Yến N và cháu Nguyễn Hà A là con chung của anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P có văn bản trình bày quan điểm: Trường hợp anh P và chị P ly hôn, cháu Nguyễn Yến N xin được ở cùng với chị Trần Thị Bích P, cháu Nguyễn Hà A xin được ở cùng với anh Nguyễn Văn P. Trong thời gian anh P và chị P ở nước ngoài thì các cháu Nhi, Anh xin ở với ông bà nội là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T cho đến khi chị P, anh P về nước đón các cháu.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung việc dân sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yến N cho chị Trần Thị Bích P trực tiếp nuôi sau khi ly hôn cho đến khi cháu N thành niên, lao động tự túc được và giao cháu Nguyễn Hà A cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi sau khi ly hôn cho đến khi cháu Anh thành niên, lao động tự túc được. Trong thời gian anh P và chị P ở nước ngoài thì tạm giao các cháu Nhi, Anh cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T nuôi cho đến khi anh P, chị P về nước đón các cháu.

- Về cấp dưỡng: Anh P và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân, nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Anh P và chị P đều xác định không có, không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị P chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P thể hiện anh chị đang sinh sống tại Đài Loan có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Anh chị đều có nơi đăng ký thường trú tại tỉnh Phú Thọ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do các văn bản gồm Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt tại Tòa án, Giấy ủy quyền đề tên anh chị không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký, chữ viết của anh P, chị P trong các văn bản trên so với chữ ký, chữ viết của anh P, chị P trong Đơn yêu cầu giải

quyết việc dân sự có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Tại Kết luận giám định số 268/KLGD-PC09 ngày 20/02/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ xác định:

“ - Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn P và các chữ “Nguyễn Văn P” dưới mục (Chồng) trên “Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt tại Tòa án; Giấy ủy quyền” (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn P, các chữ “Nguyễn Văn P” dưới mục (Chồng) trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký đứng tên Trần Thị Bích P và các chữ “Trần Thị Bích P” dưới mục (Vợ) trên “Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt tại Tòa án; Giấy ủy quyền” (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký đứng tên Trần Thị Bích P, các chữ “Trần Thị Bích P” dưới mục (Vợ) trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra.”.

Như vậy, có căn cứ để xác định nội dung trong các văn bản trên thể hiện ý chí, nguyện vọng của anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P. Anh P và chị P đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P đăng ký kết hôn ngày 02/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận. Năm 2020, sau khi anh chị sang lao động tại Đài Loan thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sự khác biệt về quan điểm sống, lối sống dẫn tới không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân cũng như khoảng cách địa lý và yêu cầu công việc khiến anh chị không có thời gian quan tâm, chia sẻ, thiếu đồng cảm lẫn nhau. Dù đã được hai bên gia đình và bạn bè hết sức khuyên can, hòa giải, dù sau những lần mâu thuẫn, anh chị đều tổ chức họp gia đình để giải quyết mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng dẫn đến việc anh chị sống ly thân. Hiện nay, nhận thấy hôn nhân của mình đã rơi vào bế tắc, mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa, níu kéo cũng chỉ đem lại đau khổ và tổn thương cho hai bên. Vì vậy, anh chị thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ công nhận anh chị thuận tình ly hôn. Việc anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ ý chí của cả hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh P và chị P xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/02/2016. Hiện các cháu N, A đang sống cùng với ông bà nội là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T. Anh chị thống nhất sau khi ly hôn, đề nghị Tòa án tuyên giao cháu Nguyễn Yến N cho chị Trần Thị Bích P trực tiếp nuôi cho đến khi cháu N thành niên, lao động tự túc được và giao cháu Nguyễn Hà A cho anh Nguyễn

Văn P trực tiếp nuôi cho đến khi cháu A thành niên, lao động tự túc được. Trong thời gian anh chị ở nước ngoài, anh chị thống nhất đề nghị tạm giao các cháu N, A cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T nuôi cho đến khi anh chị về nước đón các cháu.

Ông T và bà T đều đồng ý nhận nuôi các cháu N, A thay cho anh P, chị P trong thời gian anh chị ở nước ngoài mà không yêu cầu ai phải có trách nhiệm cấp dưỡng hay trả thù lao cho ông bà.

Xét thấy, thỏa thuận của anh P và chị P về người trực tiếp nuôi con chung là hợp pháp và có sự đồng ý của ông T, bà T cũng như phù hợp với nguyện vọng của các cháu N, A nên cần công nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng: Anh chị thống nhất anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là sự tự nguyện của đương sự cần được ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân, nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P thống nhất chị Trần Thị Bích P chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; các Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370, 371 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P.

[2] Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 13/12/2013 cho chị Trần Thị Bích P trực tiếp nuôi sau khi ly hôn cho đến khi cháu N thành niên và lao động tự túc được.

Giao cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 12/02/2016 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi sau khi ly hôn cho đến khi cháu A thành niên và lao động tự túc được.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị Bích P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân, nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Tòa án không giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị Bích P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị P đã nộp (do bà Nguyễn Thị M nộp thay) 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000118 ngày 29/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[6] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Ngọc Tuấn